

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2018 của HĐND tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 713/TTr-STC ngày 17/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2012 và Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: TU, HĐND tỉnh;
- Phòng TC-KH các huyện, TP;
- Lãnh đạo VP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, QTTV, QLĐT1,2,TH1,3,5,2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị (đối với tổ chức chính trị cấp huyện, xã trực thuộc ngân sách huyện), tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) khi sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quyết định này.

2. Đối với việc mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan thuộc Ngân sách Đảng (qua Văn phòng Tỉnh ủy) thực hiện theo phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội dung mua sắm gồm:

a) Trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của các cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

b) Máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn, phục vụ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy;

c) Phương tiện vận chuyển: Ô tô, xe máy, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác (nếu có);

d) Nguyên nhiên liệu, xăng dầu, hóa chất, dược liệu, sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư, vật liệu tiêu hao, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên;

đ) Trang phục ngành, trang phục phục vụ hoạt động đặc thù của ngành, lĩnh vực theo quy định (như: quần áo bác sỹ, y tá, quần áo bệnh nhân, phạm nhân và các loại trang phục đặc thù của ngành nghề khác), bảo hộ lao động (gồm cả mua sắm vật liệu, mẫu thiết kế và công may);

e) Sản phẩm công nghệ thông tin gồm: Máy móc, thiết bị, phụ kiện, phần mềm và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin khác, bao gồm cả lắp đặt, chạy thử, bảo hành (nếu có) thuộc dự án công nghệ thông tin sử dụng vốn sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

g) Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem; văn hóa phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ để tuyên truyền, quảng bá và phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ;

h) Dịch vụ phi tư vấn bao gồm: Thuê các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; sửa chữa thường xuyên nhỏ, lẻ nhà cửa, công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản; dịch vụ thuê trụ sở làm việc, nhà trạm, ô tô phục vụ công tác, vệ sinh công nghiệp; dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ thẩm định giá (nếu có); dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các dịch vụ phi tư vấn khác;

i) Dịch vụ tư vấn bao gồm: Tư vấn lựa chọn công nghệ, tư vấn đề lập, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và các dịch vụ tư vấn khác trong mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị;

k) Bản quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ (nếu có);

l) Các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn khác được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn nêu trên, sau đây gọi chung là tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

2. Nguồn kinh phí mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, gồm:

a) Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm (bao gồm cả nguồn kinh phí bổ sung trong năm) của cơ quan, đơn vị;

b) Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu khác trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư;

c) Vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn khác do nhà nước quản lý (nếu có);

d) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Vay nợ, viện trợ không hoàn lại được cân đối trong chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thuộc ngân sách nhà nước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác);

đ) Nguồn thu từ phí, lệ phí được sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

e) Nguồn kinh phí từ thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; .

g) Nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế;

h) Nguồn vốn vay, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân theo quy định

i) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

3. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Mua sắm vật tư, trang thiết bị thuộc dự án đầu tư;

b) Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đặc thù, chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh;

c) Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài để phục vụ hoạt động thường xuyên của các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

d) Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng thuộc Danh Mục mua sắm tập trung cấp quốc gia và Danh mục mua sắm tập trung của Bộ, ngành thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 và các văn bản hướng dẫn.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt dự toán gói thầu mua sắm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự toán đối với các gói thầu mua sắm tài sản là tàu, thuyền, ô tô; tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (tài sản hoặc gói tài sản) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên (trừ quy định tại Khoản 5, Điều này).

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I ngân sách tỉnh quyết định phê duyệt dự toán cho đơn vị mình và đơn vị cấp dưới trực thuộc đối với các gói thầu mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự toán cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi cấp huyện quản lý đối với các gói thầu mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định phê duyệt dự toán đối với các gói thầu mua sắm có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên quyết định phê duyệt dự toán các gói thầu mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, ô tô) theo quy định.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm phương tiện vận tải: Tàu, thuyền, ô tô; tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (tài sản hoặc gói tài sản) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên (trừ quy định tại Khoản 6 Điều này).

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I ngân sách tỉnh (trừ quy định tại Khoản 6 Điều này) phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm cho đơn vị mình và đơn vị cấp dưới trực thuộc đối với các gói thầu mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản thuộc Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi cấp huyện quản lý có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng (trừ tài sản thuộc Khoản 1 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách (trừ quy định tại Khoản 6 Điều này); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng (trừ tài sản thuộc Khoản 1 Điều này).

5. Đối với các gói thầu mua sắm có giá trị đến dưới 20 triệu đồng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách khi thực hiện mua sắm không phải xây dựng và trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhưng phải đảm bảo các trình tự, thủ tục theo quy định của Nhà nước về mua sắm tài sản.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm.

Điều 6. Trách nhiệm trong thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Sở Tài chính thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với các gói thầu mua sắm thuộc thẩm quyền Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận thuộc cơ quan, đơn vị mình làm nhiệm vụ thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói mua sắm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các gói thầu đã phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.

2. Đối với các gói thầu chưa phê duyệt hoặc đang thẩm định dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì thực hiện theo Quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Hướng dẫn thi hành

1. Các nội dung khác không quy định cụ thể tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các văn bản quy định hiện hành.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Giao Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong